

Bản án số: 02/2020/TCDS - ST

Ngày 21- 5- 2020.

“V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Tuyền.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thành – Bà Nguyễn Thị Băng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thái Quang– Thư ký, Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái: Bà Nguyễn Thị Lê Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 66/2019/TLST- TCDS ngày 12/12/2019. Về việc: “Tranh chấp về thừa kế tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST- TCDS ngày 05/3/2020 và Thông báo mở lại phiên tòa số 16/TB-TA ngày 08 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ 10, (tổ 46 cũ) phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; có mặt.

Bị đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1958; địa chỉ: Tổ 28 (cũ là dân phố P), phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Phan Thanh T, sinh năm 1955; địa chỉ: Xóm K, xã K, huyện C, tỉnh H; vắng mặt.

- Cháu Phan Hoài L, sinh ngày 29/10/2005 và cháu Phan Anh T, sinh ngày 01/02/2008 - Người đại diện theo pháp luật của cháu L và cháu T là chị Nguyễn Thị Thanh H; cùng địa chỉ: Tổ 10, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; có mặt.

- Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam

Địa chỉ: Số 02 L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội;

Đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Mạnh H; Chức vụ: Giám

độc – Ngân hàng N - Chi nhánh Bắc Yên Bái;

Người được ủy quyền lại: Bà Hoàng Thùy V; chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch số 7 – Ngân hàng N - Chi nhánh Bắc Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/12/2019, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh H trình bày:

Chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1981 và anh Phan Trọng C, sinh năm 1979 có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái vào ngày 17/11/2004. Chị H và anh C có 02 con chung là cháu Phan Anh T, sinh ngày 01/02/2008 và cháu Phan Hoài L, sinh ngày 29/10/2005. Ngày 12/10/2017 anh C chết không để lại di chúc; bố đẻ của anh C là ông Phan Thanh T sinh năm 1955; nơi cư trú: Xóm K, xã K, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; mẹ đẻ của anh C là bà Trần Thị H, sinh năm 1958; Nơi cư trú: Tổ 28 (cũ là dân phố P) phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái; anh Cảnh không có con riêng.

Anh Phan Trọng C không có tài sản riêng.

Tài sản chung của chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Phan Trọng C gồm có:

Quyền sử dụng 83m² đất ở đô thị tại tổ 46 (nay là tổ 10), phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 080515, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: H01601 do UBND thành phố Yên Bái cấp ngày 05/12/2008 mang tên ông Phan Trọng C và bà Nguyễn Thị Thanh H, thửa đất số 55, tờ bản đồ số: 38 –B-I-b; và tài sản gắn liền trên đất là 01 nhà xây cấp IV, lợp Prô xi măng (nguồn gốc do anh C và chị H mua năm 2008). Tổng trị giá tài sản khoảng: 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng). Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất này đã được thế chấp cho với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh thành phố Yên Bái nay là Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bắc thành Phố Yên Bái (gọi tắt là Ngân hàng) theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 61/2016/HĐTC - 870200230 ngày 12/9/2016.

Về nợ chung:

Ngày 13/12/2016 anh Phan Trọng C và chị Nguyễn Thị Thanh H ký hợp đồng tín dụng số 102/2016/HĐTD - 870200230 với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh thành phố Yên Bái (nay là Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bắc thành phố Yên Bái); Hạn mức cho vay là 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng); lãi suất cho vay ưu đãi 06 tháng đầu: 8,5%/năm; lãi suất cho vay thông thường sau 06 tháng kể từ ngày giải ngân: 10,5%/năm; lãi suất quá hạn là 150% so với lãi suất thông thường đã thỏa thuận. Ngày 13/12/2016 Ngân hàng đã giải ngân 650.000.000đ (Sáu trăm năm mươi triệu đồng), ngày 05/01/2017 Ngân hàng giải ngân 330.000.000đ (Ba trăm ba mươi triệu đồng);

Tính đến ngày 12/10/2017 anh C chết. Chị H và anh C đã trả cho Ngân hàng tiền gốc là: 30.000.000đồng (*Ba mươi triệu đồng*); tiền lãi 70.856.000đ (*Bảy mươi triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn đồng*).

Từ ngày 13/10/2017 đến ngày 30/11/2019, chị H đã trả nợ cho Ngân hàng tiền gốc là: 820.000.000đ (*Tám trăm hai mươi triệu đồng*); tiền lãi là: 74.184.000đ (*Bảy mươi tư triệu, một trăm tám mươi tư nghìn đồng*). Tính đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm (21/5/2020) còn nợ Ngân hàng: Tiền gốc là 130.000.000đồng; tiền lãi 9.592.916 đồng.

Chị H xác định những người thừa kế của anh Phan Trọng Ch gồm có: Chị Nguyễn Thị Thanh H; cháu Phan Anh T, cháu Phan Hoài L, ông Phan Thanh T, bà Trần Thị H;

Di sản thừa kế của anh C là 1/2 giá trị nhà và đất như đã trình bày ở trên, Do tài sản gắn liền trên đất là căn nhà cấp 4, hiện đã xuống cấp trầm trọng. Chị H đề nghị được tính trị giá tài sản theo kết luận của Hội đồng định giá là $746.328.000\text{đồng}/2 = 373.164.000\text{đồng}$.

Chị H đề nghị chia di sản thừa kế của anh C: Sau khi thanh toán nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng của anh C, còn lại chia đều cho các đồng thừa kế; Nếu di sản thừa kế của anh C không đủ trả nợ. Chị H có nguyện vọng có trách nhiệm thay các đồng thừa kế thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng. Và được sở hữu, sử dụng nhà và đất để ở do chị H và các con là cháu L và cháu T không còn chỗ ở nào khác. Trường hợp chị H không trả được nợ thì Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Bắc Yên Bái có quyền khởi kiện chị H.

Chị H nhận chịu toàn bộ tiền chi phí thẩm định và định giá và tiền án phí chia di sản thừa kế.

Tại bản tự khai của bị đơn bà Trần Thị H và bản tự khai của anh Phan Thừa T là người đại diện theo ủy quyền của ông Phan Thanh T thống nhất trình bày:

Anh Phan Trọng C là con đẻ của ông Phan Thanh T và bà Trần Thị H, ngày 12/10/2017 không may anh C qua đời. Nay chị Nguyễn Thị Thanh H là vợ của anh C yêu cầu chia di sản thừa kế của anh C. Ông T và bà H xác định di sản của anh C là 1/2 trị giá quyền sử dụng 83m² đất ở đô thị tại tổ 46 (nay là tổ 10), phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 080515, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: H01601 do UBND thành phố Yên Bái cấp ngày 05/12/2008 mang tên ông Phan Trọng c và bà Nguyễn Thị Thanh H, thửa đất số 55, tờ bản đồ số: 38 –B-I-b; và tài sản gắn liền trên đất là 01 nhà xây cấp IV, lợp Prô xi măng. Tổng trị giá nhà và đất nêu trên là: 1.500.000.000đồng, như vậy di sản của anh C là $1.500.000.000\text{đồng}/2 = 750.000.000\text{đồng}$ (*Bảy trăm năm mươi triệu đồng*).

Về các khoản nợ: Anh C chị H nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn - Chi nhánh Bắc Yên Bái số tiền cụ thể số tiền bao nhiêu ông T, bà H không nắm được.

Đối với các khoản ma chay, chi phí ông Thế, bà Hà không có ý kiến.

Ông T và bà H đề nghị: Đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của anh C, sau khi trừ hết khoản nợ theo nghĩa vụ của anh C phần còn lại chia đồng đều cho các đồng thừa kế gồm: Ông T, bà H, chị H, anh C, cháu L, cháu T. Phần của ông T, bà H để lại cho cháu L và cháu T.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam bà Hoàng Thùy V trình bày:

Ngày 13/12/2016 Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh thành phố Yên Bái (nay là với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bắc thành Phố Yên Bái) và anh Phan Trọng C và chị Nguyễn Thị Thanh H ký hợp đồng tín dụng: số 102/2016/HĐTD - 870200230; cùng nhau thỏa thuận Ngân hàng cho anh C chị H vay tối đa là 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng); lãi suất cho vay ưu đãi 06 tháng đầu: 8,5%/năm; lãi suất cho vay thông thường sau 06 tháng kể từ ngày giải ngân: 10,5%; lãi suất quá hạn là 150% lãi suất so với lãi xuất thông thường đã thỏa thuận. Ngày 13/12/2016 Ngân hàng đã giải ngân 650.000.000đ (Sáu trăm năm mươi triệu đồng), ngày 05/01/2017Ngân hàng giải ngân 330.000.000đồng (Ba trăm ba mươi triệu đồng);

Đảm bảo cho khoản vay: Anh Phan Trọng C và chị NguyễnThị Thanh H đã thế chấp cho Ngân hàng: Quyền sử dụng 83m2 đất ở đô thị tại tổ 46 (nay là tổ 10), phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 080515, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: H01601 do UBND thành phố Yên Bái cấp ngày 05/12/2008 mang tên ông Phan Trọng C và bà Nguyễn Thị Thanh H, thửa đất số 55, tờ bản đồ số: 38 –B-I-b; Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 61/2016/HĐTC - 870200230.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Tính đến ngày 12/10/2017 anh C chết. Chị H và anh C đã thực hiện đúng cam kết thỏa thuận với Ngân hàng. Chị H và anh Ch đã trả cho Ngân hàng tiền gốc là: 30.000.000đồng (Ba mươi triệu đồng); tiền lãi 70.856.000đ (Bảy mươi triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn đồng). Như vậy: Tính đến ngày 12/10/2017 chị H và anh C còn nợ Ngân hàng 950.000.000đồng tiền gốc.

Từ ngày 13/10/2017 đến ngày 13/2/2019, chị H đã trả nợ cho Ngân hàng tiền gốc là: 820.000.000đ (Tám trăm hai mươi triệu đồng); tiền lãi là: 74.184.000đ (Bảy mươi tư triệu, một trăm tám mươi tư nghìn đồng).Tính đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm (21/5/2020) còn nợ Ngân hàng: Tiền gốc là 130.000.000đồng; tiền lãi 9.592.916 đồng.

Nay chị H yêu cầu chia di sản thừa kế của anh Phan Trọng C, Ngân hàng yêu cầu chị H và các đồng thừa kế của anh C phải thanh toán trả đủ nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng đã ký trên sổ nợ gốc thực tế cho đến khi trả nợ xong.

Tại phiên tòa chị H đề nghị được sở hữu, sử dụng tài sản là nhà đất đã thế chấp Ngân hàng và có trách nhiệm trả nợ thay cho các đồng thừa kế theo Hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng, Ngân hàng nhất trí. Trường hợp chị H không trả nợ Ngân hàng sẽ khởi kiện tại Tòa án và xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp đã ký với Ngân hàng.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 27/04/2018 đối với tài sản chung của anh Phan Trọng C và chị Nguyễn Thị Thanh H như sau:

- Quyền sử dụng 83m² đất ở đô thị tại tổ 46 (nay là tổ 10), phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 080515, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: H01601 do UBND thành phố Yên Bái cấp ngày 05/12/2008 mang tên ông Phan Trọng C và bà Nguyễn Thị Thanh H, thửa đất số 55, tờ bản đồ số: 38 –B-I-b; Có các cạnh thửa (tứ cận) như sau: Phía Bắc giáp hộ bà V; Phía Nam giáp hộ bà D; Phía Đông giáp đường Thành công; Phía Tây giáp hộ ông N.

Về hiện trạng tài sản có trên đất thế chấp gồm có:

- 01 nhà xây mái bằng hiên tây, tường xây 220mm, nền gạch lát 40x40cm; Diện tích nhà + hiên tây: 5,3 x 5,2; Nền lát gạch: ceramic 40 x40: 3,7 x 5; Cửa khung nhôm kính: 4,1 x 2,5 + 0,9 x 2,2m; Phòng ngủ lợp fibro xi măng, nhựa trần: diện tích 5,2 x 4,4m; Nền lát gạch: ceramic 3,7 x 5m; Trần nhựa S = 3,7 x 5m; Vách kính S = 4,2 x 2,3m;

- 01 bếp xây gạch chỉ 110 mái lợp fibro xi măng S = 3,3 x 3,1m.; ốp tường bếp; S = 33,3 x 0,5; ốp bàn bếp: S = 0,55 x 1,2 + 0,55 x 0,8 + 0,9 x 0,55.

- Sân lát vỉa xi măng: S = 5 x 3,1m

- Nhà vệ sinh mái lợp fibro xi măng: S 3,1 x 1,6; nền lát gạch chống trơn: S = 3,1 x 1,6m; ốp tường S = 1,5 x 7,6m.

Kết luận của Hội đồng định giá tài sản ngày 27/4/2018:

- Quyền sử dụng 83m² đất ở đô thị tại tổ 46 (nay là tổ 10), phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 080515, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: H01601 do UBND thành phố Yên Bái cấp ngày 05/12/2008 mang tên ông Phan Trọng C và bà Nguyễn Thị Thanh H, thửa đất số 55, tờ bản đồ số: 38 –B-I-b; trị giá: 664.000.000đ (Sáu trăm sáu mươi tư triệu đồng);

- Tài sản gắn liền trên đất: 01 nhà xây mái bằng hiên tây, 01 bếp xây gạch, nhà vệ sinh, sân lát vỉa xi măng trị giá: 82.328.000đồng (*Tám mươi hai triệu, ba trăm hai tám nghìn đồng*);

Tổng giá trị các loại tài sản là: 746.328.000đ(Bảy trăm bốn mươi sáu triệu, ba trăm hai mươi tám nghìn đồng).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái phát biểu quan điểm về vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, nguyên đơn, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Việt Nam đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phan Thanh T chưa chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung; Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh H về việc chia di sản thừa kế của anh Phan Trọng C.

2. Giao cho chị Nguyễn Thị Thanh H được sở hữu, sử dụng toàn bộ tài sản chung của chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Phan Trọng C trong đó có ½ trị giá là di sản của anh C để lại trong khối tài sản chung của anh chị là: Quyền sử dụng 83m² đất ở đô thị tại tổ 46 (nay là tổ 10), phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 080515, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: H01601 do UBND thành phố Yên Bái cấp ngày 05/12/2008 mang tên ông Phan Trọng C và bà Nguyễn Thị Thanh H, thửa đất số 55, tờ bản đồ số: 38 –B-I-b; Và toàn bộ tài sản hiện có gắn liền trên đất gồm: 01 nhà xây mái bằng hiện tây, 01 bếp xây gạch, nhà vệ sinh, sân lát xi măng.

3. Chị Nguyễn Thị Thanh H có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bắc Yên Bái theo Hợp đồng tín dụng: số 102/2016/HĐTD – 870200230.

Trường hợp chị H, không thanh toán trả nợ thì Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Bắc Yên Bái có quyền khởi kiện tranh chấp Hợp đồng tín dụng số: 102/2016/HĐTD - 870200230 và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 61/2016/HĐTC - 870200230 đã ký giữa anh Phan Trọng C, chị Nguyễn Thị Thanh H và Ngân hàng.

4. Về chi phí tố tụng, án phí: Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật,

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là tranh chấp về thừa kế di sản tài sản theo quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn bà H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông T đều vắng mặt tại phiên tòa thứ hai. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung:

Anh Phan Trọng C chết ngày 12/10/2017, không có di chúc nên di sản của anh Cảnh được chia theo pháp luật; đơn khởi kiện chia thừa kế của chị Nguyễn Thị Thanh H trong thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 623 Bộ luật Dân sự.

Xác định người thừa kế theo pháp luật của anh Phan Trọng C theo quy định tại Điều 651 Bộ luật Dân sự gồm: Chị Nguyễn Thị Thanh H (vợ anh C) các con đẻ của anh C gồm cháu Phan Hoài L, sinh ngày 29/10/2005; cháu Phan Anh T, sinh ngày 01/02/2008; bố đẻ của anh Cảnh là ông Phan Thanh T; mẹ đẻ của anh Cảnh là bà Trần Thị H.

Về tài sản (là di sản của anh Phan Trọng C)

Chị Nguyễn Thị Thanh H, bà Trần Thị H, người đại diện theo ủy quyền của ông Phan Thanh T là anh Phan Thừa T thống nhất: Di sản của anh Phan Trọng C là 1/2 Quyền sử dụng 83m² đất ở đô thị tại tổ 46 (nay là tổ 10), phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 080515, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: H01601 do UBND thành phố Yên Bái cấp ngày 05/12/2008 mang tên ông Phan Trọng C và bà Nguyễn Thị Thanh H, thửa đất số 55, tờ bản đồ số: 38 –B-I-b và tài sản gắn liền trên đất: 01 nhà xây mái bằng hiên tây, 01 bếp xây gạch, nhà vệ sinh, sân lát xi măng;

Bị đơn bà Trần Thị H và người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Phan Thanh T xác định trị giá di sản thừa kế của anh Phan Trọng C 1/2 giá trị tài sản nêu trên: 1.500.000.000đồng/2 = 750.000.000đồng.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh H xác định giá trị di sản thừa kế của anh C là 1/2 giá trị tài sản theo kết luận của Hội đồng định giá.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần báo gọi, triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn bà Trần Thị H và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Phan Thanh T đều vắng mặt, không lý do, không có ý kiến đối với kết luận của Hội đồng định giá. Tòa án không tiến hành hòa giải được. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Do vậy, yêu cầu của chị Hoa là có căn cứ cần chấp nhận.

Như vậy, có căn cứ xác định di sản thừa kế của anh C là: 746.328.000đồng/2 = 373.164.000đồng.

Về thực hiện nghĩa vụ về tài sản của anh C để lại với bên thứ ba:

Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Bắc Yên Bái và chị Nguyễn Thị Thanh H thống nhất: Chị H và anh C có khoản nợ Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số 102/2016/HĐTD-870200230. Tính đến ngày 12/10/2017 anh C chết chị H và anh C còn nợ ngân hàng tiền gốc là 950.000.000đồng. Như vậy: nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng của anh C là: $950.000.000\text{đồng}/2 = 475.000.000\text{đồng}$.

Thời điểm mở thừa kế 12/10/2017 di sản thừa kế của anh C là: 373.164.000đồng; nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng là 475.000.000đồng.

Như vậy: Ông T, bà H, chị H, cháu L, cháu T mỗi người được hưởng di sản thừa kế của anh C là: $373.164.000\text{đồng}/5 = 74.632.800\text{đồng}$ và mỗi người phải chịu trả nợ là: $475.000.000\text{đồng}/5 = 95.000.000\text{đồng}$.

Do nghĩa vụ trả nợ của anh C lớn hơn di sản anh C để lại nên ông T, bà H, chị H, cháu L, cháu T không được hưởng di sản do anh C để lại.

Đại diện ngân hàng xác nhận từ thời điểm mở thừa kế ngày 12/10/2017 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm 21/5/2020 chị H đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng số tiền: 894.194.000đồng, (trong đó đã thực nghĩa vụ trả nợ thay cho các đồng thừa kế là 475.000.000đồng). Tính đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm (21/5/2020) dư nợ Ngân hàng còn: Tiền gốc là 130.000.000đồng; tiền lãi 9.592.916 đồng. Đại diện Ngân hàng nhất trí với yêu cầu của chị H được sở hữu, sử dụng tài sản thế chấp theo theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 61/2016/HĐTC-870200230 và trả nợ Ngân hàng theo Hợp đồng tín số 102/2016/HĐTD - 870200230. Trường hợp chị H không thanh toán trả nợ thì Ngân hàng có quyền khởi kiện tranh chấp Hợp đồng tín dụng và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp đã ký giữa anh C, chị H và Ngân hàng.

Tại phiên tòa, chị H đề nghị được sở hữu, sử dụng toàn bộ di sản thừa kế của anh C và tự nguyện nhận thực hiện nghĩa vụ tài sản của anh C thay các đồng thừa kế trả nợ Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng, đề nghị của chị H không ảnh hưởng đến quyền lợi của các đồng thừa kế nên cần chấp nhận yêu cầu của chị H, giao toàn bộ phần di sản của anh C cho chị H sở hữu, sử dụng và chị H có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

[4]. Về chi phí tố tụng và án phí:

- Về chi phí thẩm định, định giá là 4.800.000đ (*Bốn triệu tám trăm nghìn đồng*), nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh H tự nguyện nhận chịu nên cần chấp nhận.

- Về án phí đối với việc chia di sản thừa kế: Do di sản của anh Phan Trọng C không còn để chia nên các đồng thừa kế không phải chịu án phí.

- Về án phí đối với phần tài sản thực hiện nghĩa vụ di sản của anh C chị H đã tự nguyện thực hiện xong nghĩa vụ tài sản là di sản của anh C đối với Ngân hàng và nhận chịu toàn bộ tiền án phí nên chị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là không có giá ngạch là 300.000đồng.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 299; 301;306 ; 325; 463; 466; 609; 611; 612; 613; 614; 615; 623; 649; 650;651; 658 Bộ luật Dân sự . Điều 147, Điều 157, Điều 165, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về “Án phí lệ phí Tòa án”.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh H về việc chia di sản thừa kế của anh Phan Trọng C.

2. Giao cho chị Nguyễn Thị Thanh H được sở hữu, sử dụng toàn bộ tài sản chung của chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Phan Trọng Ch trong đó có ½ trị giá là di sản của anh C để lại trong khối tài sản chung của anh chị là: Quyền sử dụng 83m2 đất ở đô thị tại tổ 46 (nay là tổ 10), phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 080515, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: H01601 do UBND thành phố Yên Bái cấp ngày 05/12/2008 mang tên ông Phan Trọng C và bà Nguyễn Thị Thanh H, thửa đất số 55, tờ bản đồ số: 38 –B-I-b và toàn bộ tài sản hiện có gắn liền trên đất gồm: 01 nhà xây mái bằng hiên tây, 01 bếp xây gạch, nhà vệ sinh, sân lát xi măng.

3.Chị NguyễnThị Thanh H có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Nông Nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bắc Yên Bái theo Hợp đồng tín dụng: số 102/2016/HĐTD – 870200230.

Trường hợp chị H không thanh toán trả nợ thì Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bắc Yên Bái có quyền khởi kiện tranh chấp Hợp đồng tín dụng số: 102/2016/HĐTD - 870200230 và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 61/2016/HĐTC - 870200230 đã ký giữa anh Phan Trọng C, chị Nguyễn Thị Thanh H và Ngân hàng.

4. Về chi phí tố tụng, án phí:

- Về chi phí tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thanh H phải chịu chi phí thẩm định, định giá 4.800.000đ (Bốn triệu tám trăm nghìn đồng) (Xác nhận chị H đã nộp đủ).

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu chia di sản thừa kế là 300.000đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 14.000.000đồng (Mười bốn triệu đồng) chị Nguyễn Thị Thanh H đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/00005218 ngày 12/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Chị H được trả lại 13.700.000 đồng (Mười ba triệu bảy trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Thanh H, Ngân hàng Nông nghiệp và phát nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bắc Yên Bái được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Trần Thị H, ông Phan Thanh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái,
- Viện kiểm sát nhân dân T.P Yên Bái.
- Thi hành án dân sự T.P Yên Bái.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.TA

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Tuyền